



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Cấp thoát nước Bến Tre

Ngày 31/03/2025	19,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-4.0%	5.6%	8.5%

DT thuần Q1/25
59.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 6.10 11.3%
YoY: ▼ 1.20 -2.0%

LN thuần Q1/25
16.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.40 17.4%
YoY: ▼ 2.00 -11.1%

LN sau thuế Q1/25
13.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.80 16.3%
YoY: ▼ 1.90 -12.4%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
29.1%
YoY: +/- ▲ 0.6%

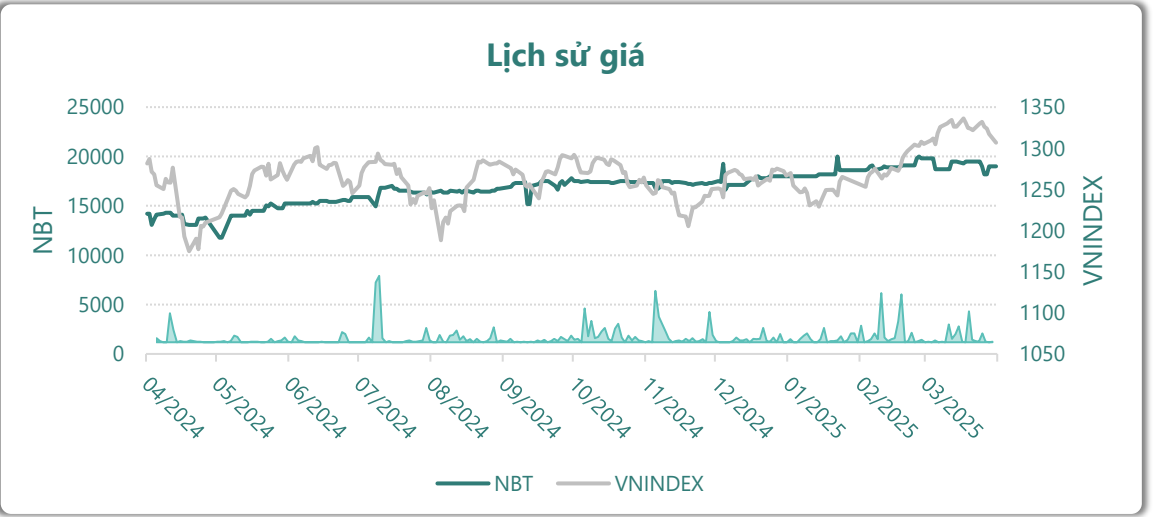
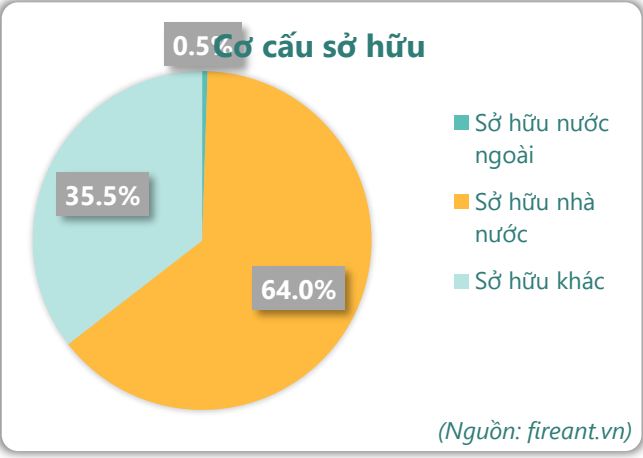
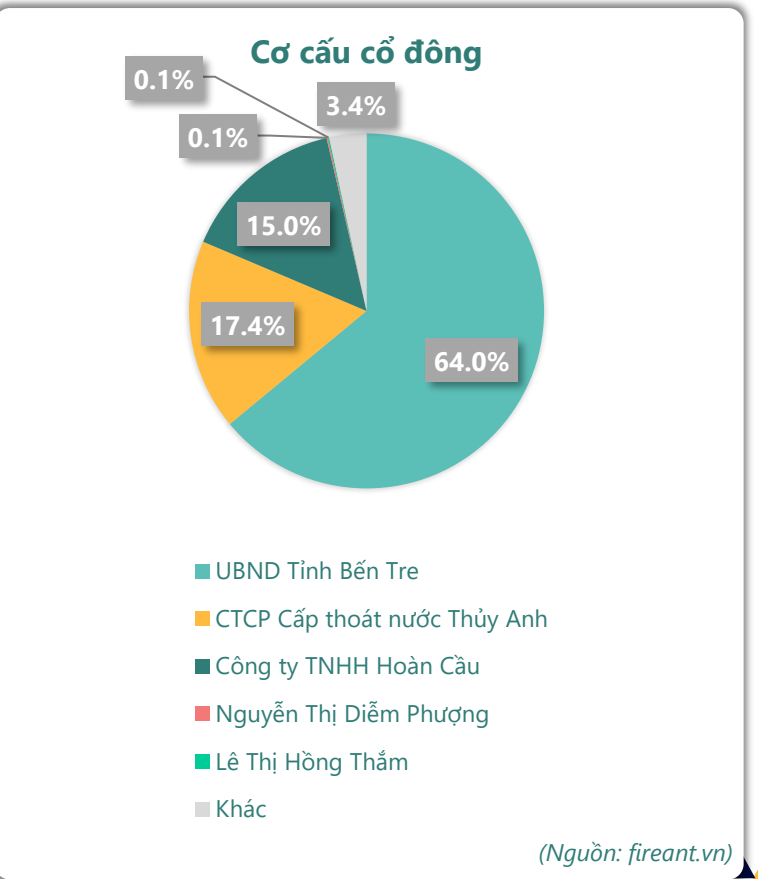
ROE (TTM) Q1/25
12.9%
YoY: +/- ▼ 0.3%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	11,772 - 20,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	559
Số lượng CPLH (CP)	29,400,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	460
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	(0.60)
EPS	1,962
P/E	9.7

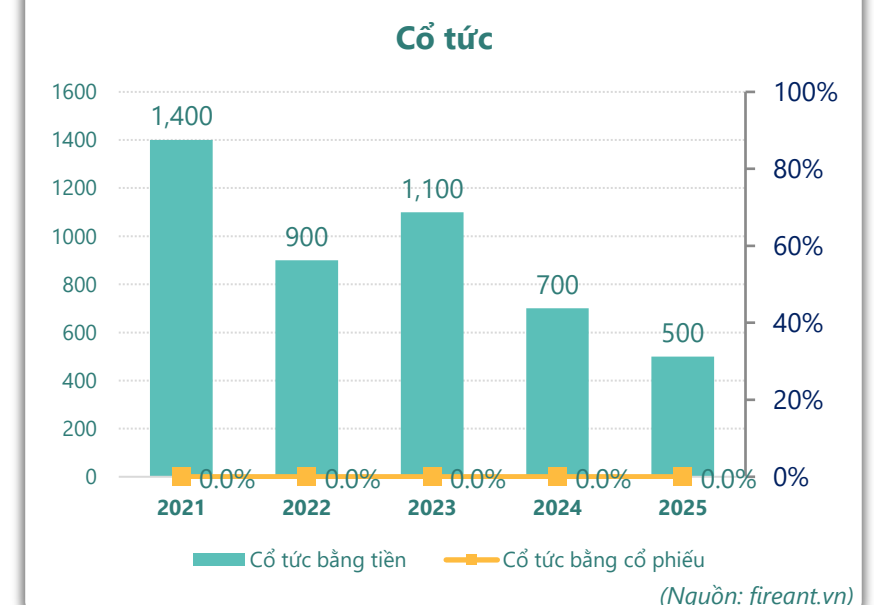
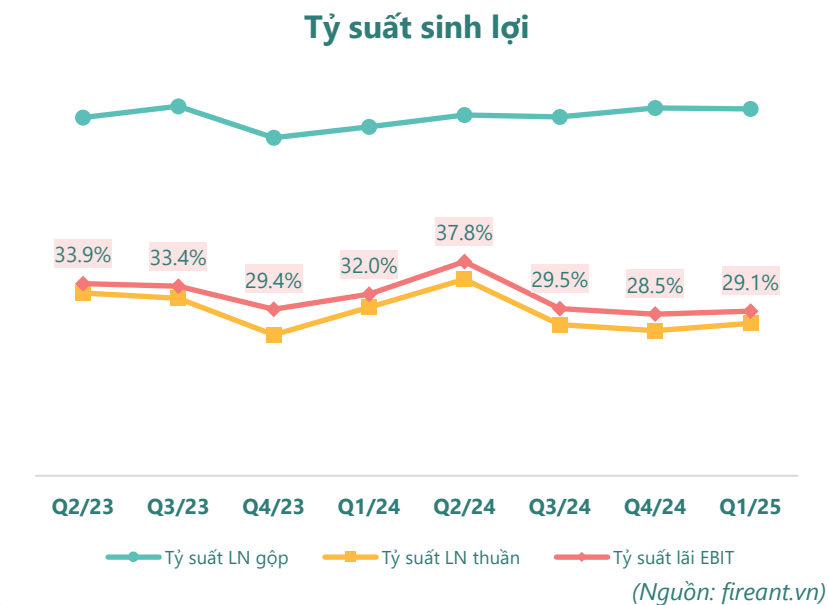
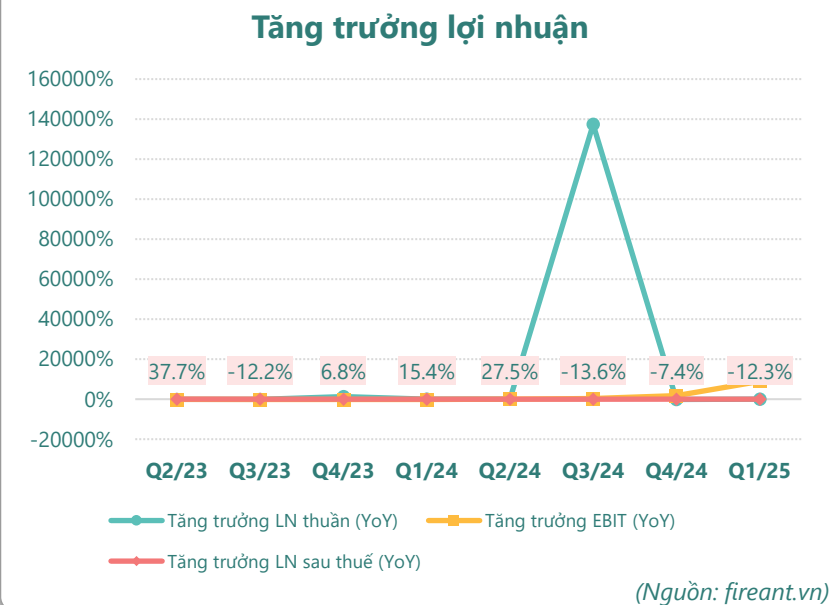
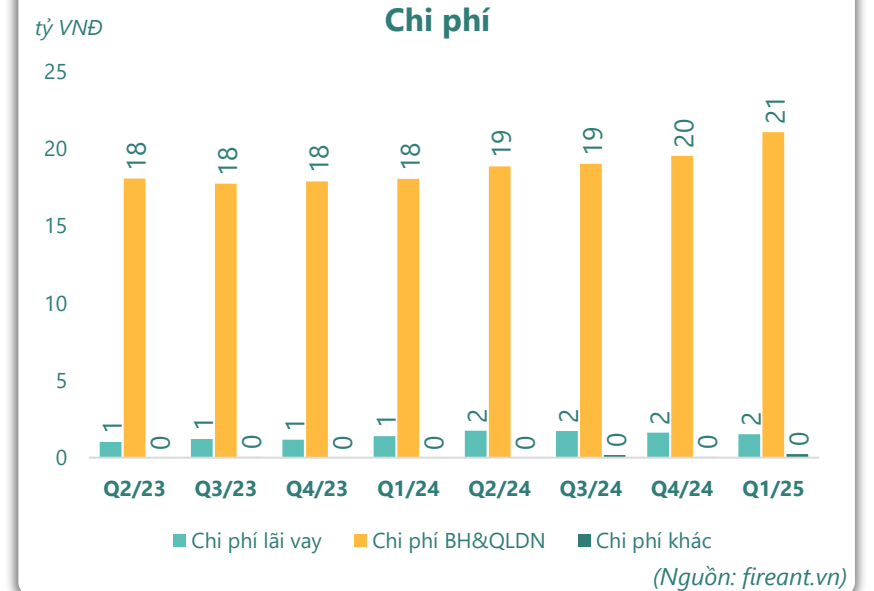
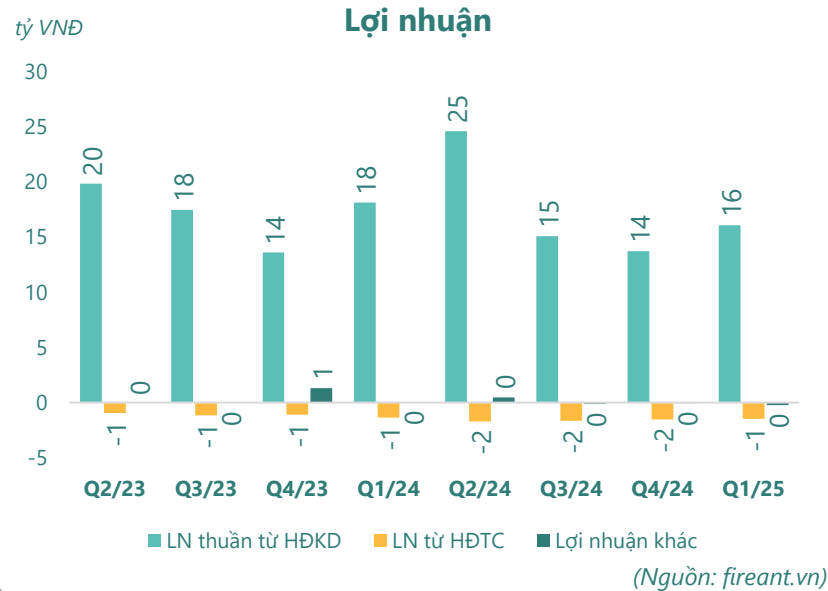
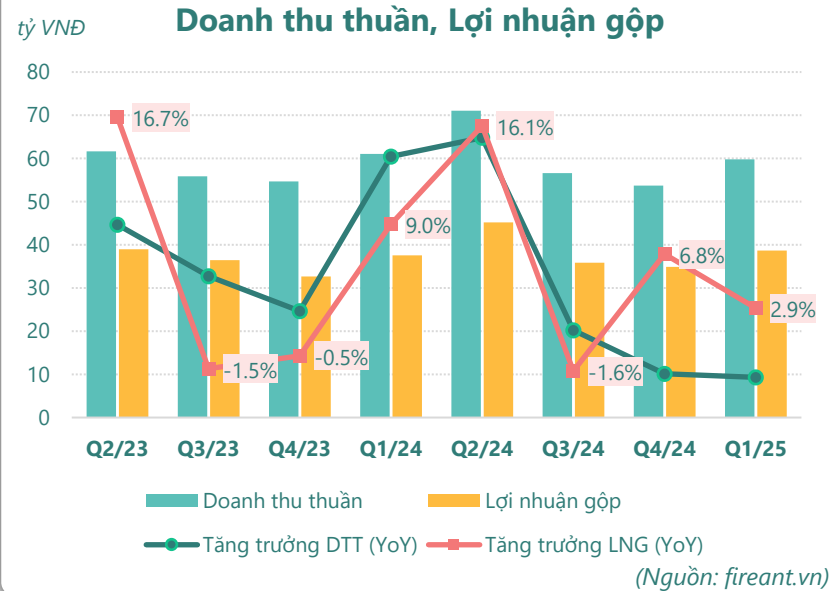
DT thuần 2024
242
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 16.0 7.3%

LN thuần 2024
69.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.80 5.9%

LN sau thuế 2024
57.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.40 4.3%



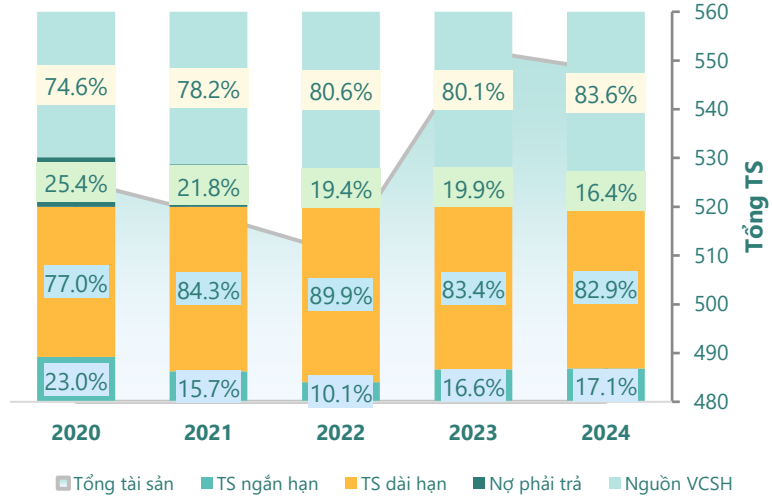
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

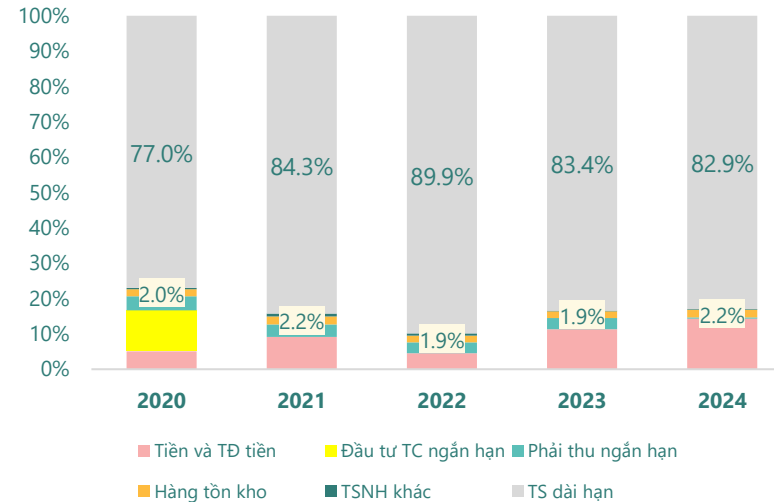
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

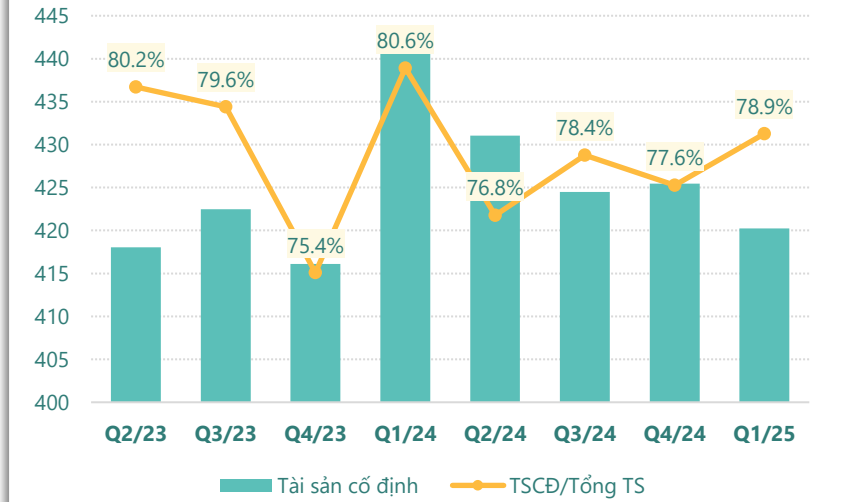
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

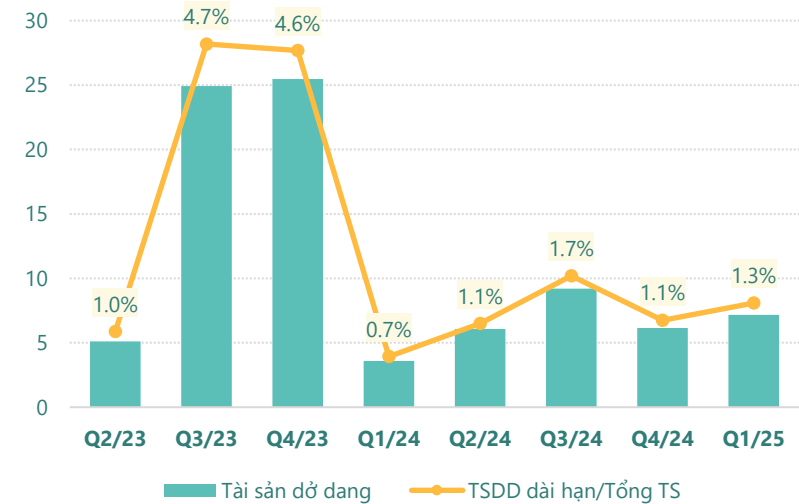
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

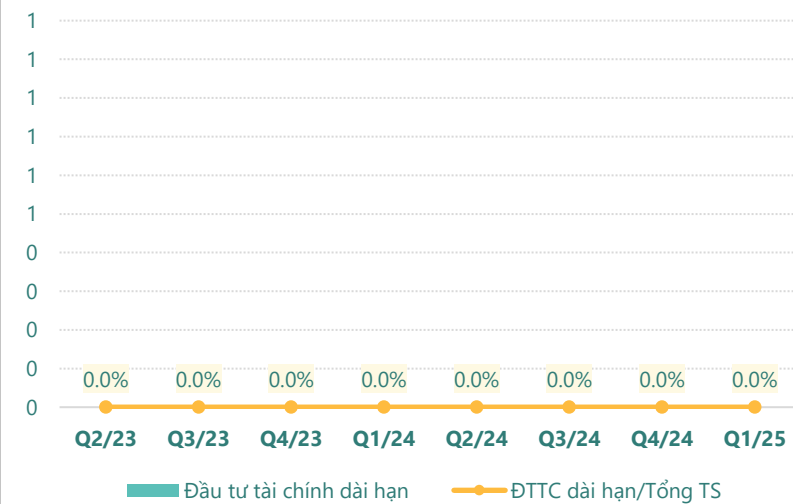
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

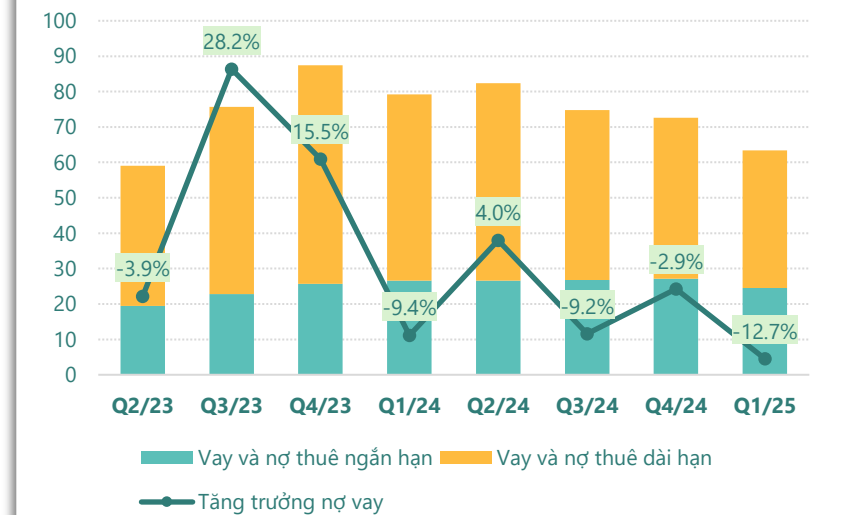
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

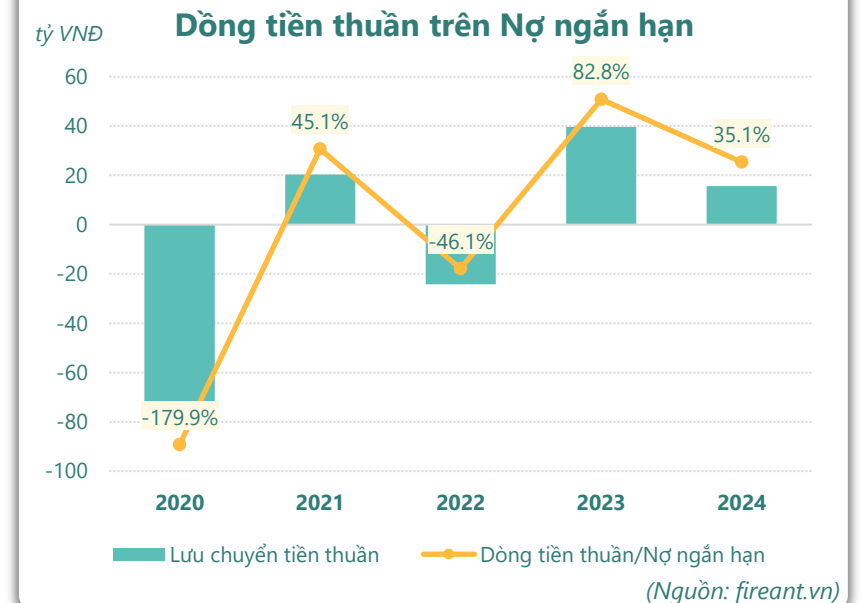
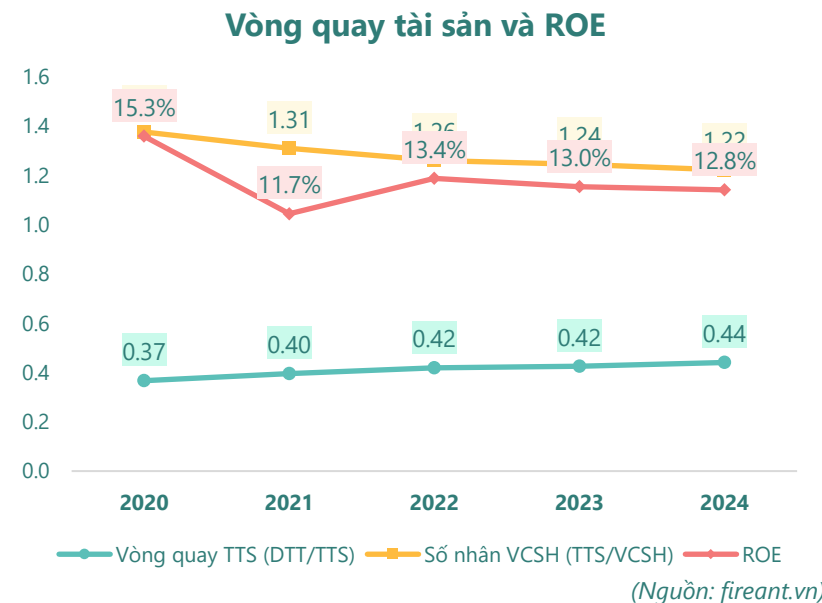
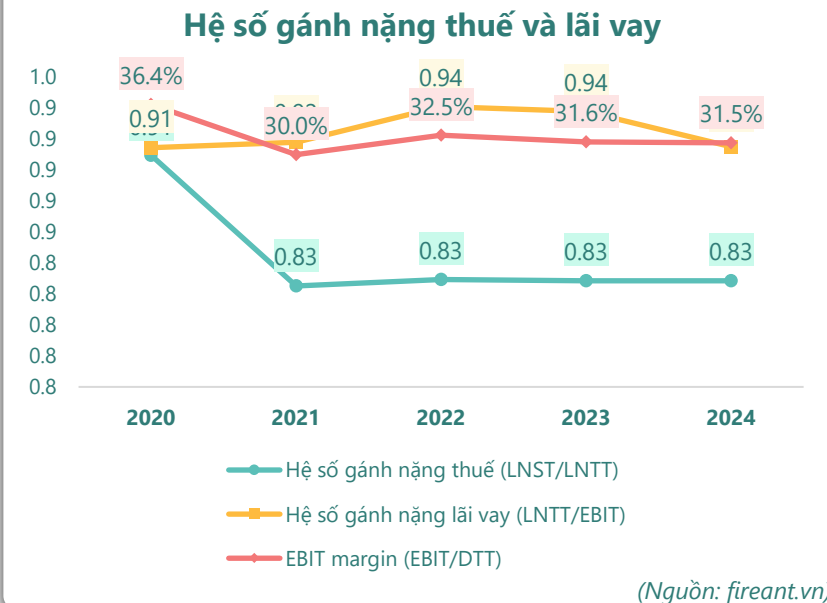
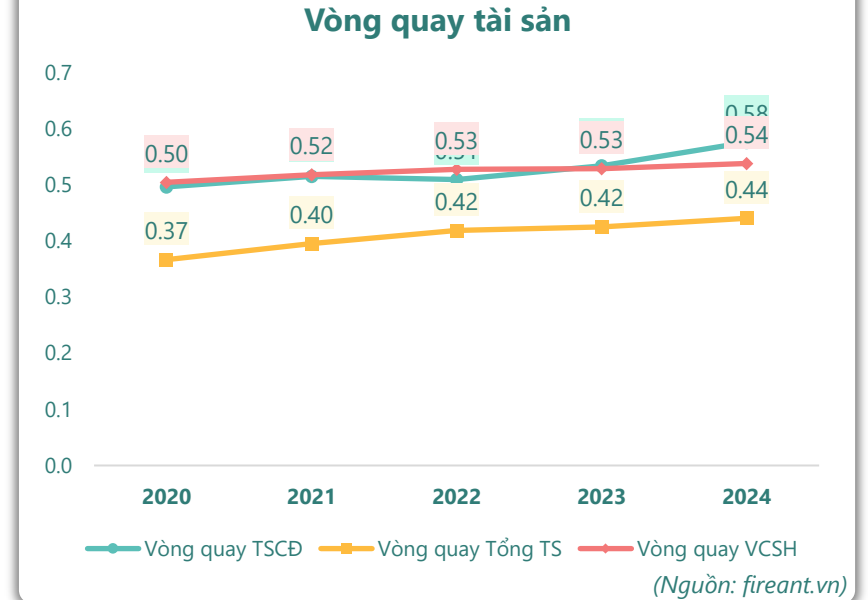
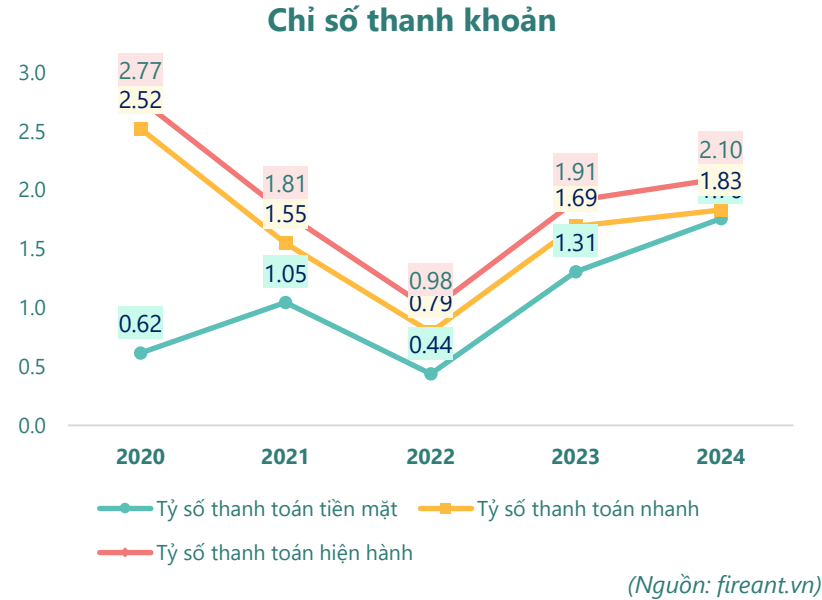
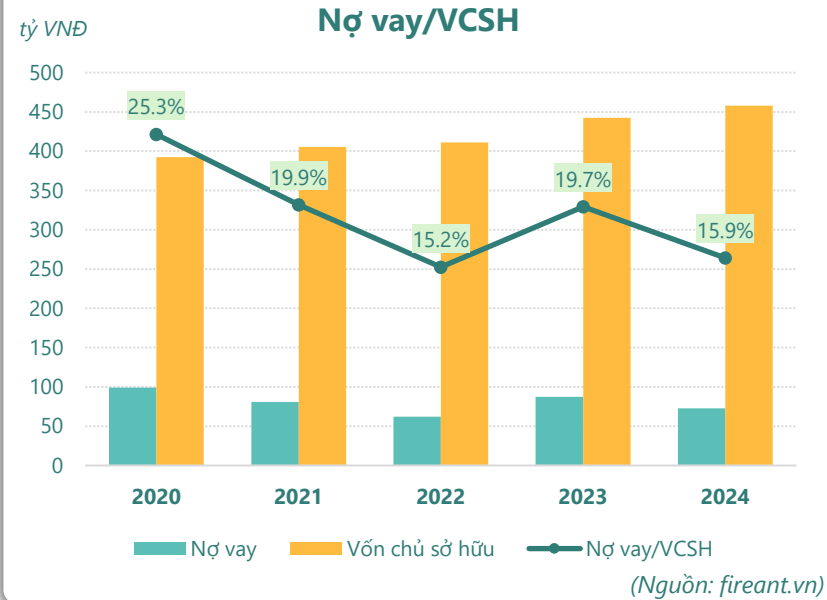
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	59.8	61.0	-2.0%	242	226	7.3%
Giá vốn hàng bán	21.1	23.5	-10.3%	89.0	83.4	6.8%
Lợi nhuận gộp	38.7	37.6	2.8%	153	142	7.7%
Doanh thu HĐTC	0.04	0.03	30.5%	0.20	0.19	8.0%
Chi phí TC	1.51	1.40	8.1%	6.48	4.46	45.5%
Chi phí lãi vay	1.51	1.40	8.1%	6.48	4.46	45.5%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	15.1	12.9	16.7%	56.1	53.2	5.4%
Chi phí QLDN	6.06	5.13	18.1%	21.5	19.3	11.4%
LN thuần từ HĐKD	16.1	18.1	-11.1%	69.4	65.6	5.9%
Lợi nhuận khác	-0.23	0.00		0.29	1.26	-76.7%
LN trước thuế	15.9	18.1	-12.4%	69.7	66.9	4.3%
Lợi nhuận sau thuế	13.1	15.0	-12.4%	57.8	55.4	4.3%
LNST của CĐ cty mẹ	13.1	15.0	-12.4%	57.8	55.4	4.3%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	19.7	13.4	29.4	27.5	21.4	12.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.55	-2.56	-12.9	-0.45	-10.1	-6.50
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	11.7	-22.9	3.15	-28.2	-2.14	-24.0
Tiền đầu kỳ	32.8	62.7	50.5	70.1	69.1	78.3
Lưu chuyển tiền thuần	29.9	-12.1	19.6	-1.08	9.23	-18.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	62.7	50.5	70.1	69.1	78.3	60.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	532	548	-2.9%
Tài sản ngắn hạn	81.7	93.5	-12.6%
Tiền và tương đương tiền	60.2	78.3	-23.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	5.13	2.02	154%
Hàng tồn kho	15.5	11.9	30.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.90	1.30	-30.8%
Tài sản dài hạn	451	455	-0.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	420	425	-1.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	7.18	5.99	19.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	23.2	23.1	0.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	77.3	90.0	-14.1%
Nợ ngắn hạn	38.5	44.5	-13.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	24.5	27.1	-9.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	4.48	2.33	92.1%
Nợ dài hạn	38.9	45.5	-14.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	38.9	45.5	-14.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	455	458	-0.7%
Vốn chủ sở hữu	455	458	-0.7%
Vốn điều lệ	294	294	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

